TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: *không tham gia*

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1990 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 09 tháng 8 năm 2018)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Vương Quốc C,** sinh năm 1986 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 27 tháng 7 năm 2018)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Vương Quốc C do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, quận 5, thành phố M vào ngày 09 tháng 12 năm 2014. Sau ngày cưới vợ chồng đi làm và sinh sống tại thành phố M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh C không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Vương Quốc C.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Vương Tiến Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2014 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 27 tháng 7 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Vương Quốc C trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý nên anh chị đến Ủy ban nhân dân phường 11, quận 5, thành phố M đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 12 năm 2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại thành phố M để đi làm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm. Anh và chị T không còn sống chung từ đầu năm 2017 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Vương Tiến Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2014 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2018; giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, giấy chứng minh nhân dân bản sao, sổ hộ khẩu bản sao, phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh, giấy khai sinh bản sao, bảng khai ý kiến ngày 24 tháng 7 năm 2018, đơn xin vắng mặt ngày 09 tháng 8 năm 2018.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến ngày 27 tháng 7 năm 2018, đơn xin vắng mặt ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27 tháng 7 năm 2018 anh Vương Quốc C có đơn xin vắng mặt, ngày 09 tháng 8 năm 2018 chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C, chị T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, quận 5, thành phố M vào ngày 09 tháng 12 năm 2014. Theo lời trình bày của chị T và anh C thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T anh C tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C thống nhất xác định anh chị có 01 người con chung tên Vương Tiến Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2014 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T và anh C thống nhất thỏa thuận giao cháu Vương Tiến Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2014 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C.

[2] Con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C. Giao cháu Vương Tiến Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu anh Vương Quốc C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vương Quốc C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Vương Quốc C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009108 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND phường 11, quận 5, thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui